

Ý NGHĨA HAI CHỮ “HÒA THƯỢNG”

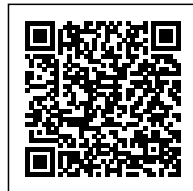


TRAO ĐỔI - NGHIÊN CỨU



Ý nghĩa hai chữ “Hòa thượng”

Thích Thiện Phước



“Luật Thiện Kiến” chép: “Hòa thượng là tiếng ngoại quốc, tiếng Hán nói: biết có tội, biết không có tội gọi là Hòa thượng”.

Bộ “Hoa Nghiêm Âm Nghĩa” của ngài Huệ Uyển chép: “Hòa thượng xét theo phương ngôn của

người Ấn Độ gọi “Hòa thượng” là Ổ Ba Đà Da. Nhưng người bình dân ở nước ấy gọi là Miệt Xả.

Người nước Vu Điền, Sớ Lặc gọi là Cốt Xả. Ngày nay phương này (Trung Quốc) gọi âm sai là hòa thượng. Tuy rằng cách nói, cách gọi, các nơi có sai khác rất lớn, nhưng hiện tại căn cứ theo giải thích chính xác từ Ổ Ba, nghĩa là gấn vậy, còn Đà Da là đọc vậy. Ý nói, đây là bậc Tôn Sư mà đệ tử nương gấn học tập.

Xưa gọi là Thân Giáo Sư, cũng là từ ý nghĩa nêu trên.



TRAO ĐỔI - NGHIÊN CỨU



Ý nghĩa hai chữ “Hòa thượng”

Thích Thiện Phước

“Hành SỰ Sao” chép: “Hỏi rằng: Sao gọi là Thầy Hòa thượng A Xà Lê?”

Đáp: Do vì ngôn ngữ người Hán không có từ để phiên dịch chính xác hoàn toàn”.

Trong “Luật Thiện Kiến” chép: “Hòa Biệt có tội, biết không có tội, la rầy kích phát đó gọi là Thầy ta. Noi theo thiện pháp mà dạy dỗ, ấy là Xà Lê của ta.

“Luận Truyện” nói: “Hòa thượng là tiếng nước ngoài. Tiếng Hán gọi là biết có tội, biết không có tội, đều gọi là Hòa thượng”.

“Luật Tứ Phần. Đệ Tử Ha Trách Hòa thượng” cũng giống như vậy.

“Minh Liễu Luận”, trong chánh bốn nói: “Ưu Ba Đà Ha, dịch là nương theo để học, tức nương theo vị này để học giới định tuệ. Tức là Hòa thượng vậy”.

Đó là do ngữ ngôn ở phong thổ mỗi nơi có khác. Tương truyền rằng: “Hòa thượng là nơi phát sinh đạo lực, Xà Lê là sửa đổi cho đệ tử có phẩm hạnh chân chính, nhưng chưa thấy Kinh Luận chép như thế”.

Trong “Tạp A Hàm” chép: “Ngoại đạo cũng gọi thầy mình là Hòa thượng”.

“Phiên dịch Danh Nghĩa Tập” chép: “Hòa thượng cũng gọi là Hòa xà”.

Truyện chép: “Hòa thượng, gọi đúng theo bốn tiếng Phạn là Ổ Ba Giá Ca 和尚 Hòa thượng, lại truyền đến phương này (Trung Quốc) ngài La Thập dịch là Lục Sinh”.

“Xá Lợi Phất Vấn Kinh” chép: “Một số người xuất gia từ bỏ căn nhà trời buộc sinh tử, cha mẹ, vào trong pháp môn, để thọ nhận chính pháp vi diệu, bởi vì Thầy là người đạo lực làm sinh trưởng pháp thân, hiến dâng công đức tài bảo, dưỡng nuôi mạng mạch trí tuệ, công đức chẳng ai hơn. Lại nữa, Hòa thượng cũng dịch là Cận Tụng, do vì đệ tử nhỏ tuổi, không thể lìa Thầy, thường theo hầu cận bên thầy, thọ học kinh điển từ thầy để mà niệm tụng cho lâu thông”.

Ngài Nghĩa Tịnh gọi là: “Ổ Ba Đà Da, Trung Hoa dịch là Thân Giáo Sư, do vì vị này hay dạy hạnh nghiệp xuất thế. Cho nên Hòa thượng có hai loại:

1. Thân giáo: Tức là Thầy dạy học.
2. Y chỉ: Tức là Thầy mà mình nương theo để học vậy”.

Bộ “Tỳ Nại Da” chép: “Đệ tử đồ chúng khi vừa thấy Thầy thì liền đứng dậy. Nếu như thấy Thân Giáo thì liền phải xả y chỉ”.

Chú thích:

- Thiện kiến luật: còn gọi là “Thiện kiến Tỳ Bà Sa Luật”, “Thiện Kiến Luận”, còn gọi là “Tỳ Bà Sa Luật”, là một bộ sách thuộc hệ Luật tạng Phật giáo, 18 quyển. 4 quyển đầu thuật lại chuyện 3 lần kết tập Pháp tạng và việc Vua A Dục truyền bá Phật giáo, những quyển còn lại chủ yếu là chú thích về “Luật Tứ Phần”.
- Ngũ Thiên: gọi đủ là Ngũ Thiên Trúc (tức Ấn Độ xưa kia)
- Xà lê: tức Cao Tăng, phẩm chỉ cho tăng sĩ.
- Thiện Pháp: là chỉ cho tất cả những pháp lành như: năm giới, thập thiện, Lục độ, nhằm để đối trị các “ác pháp”. Ngũ giới thập thiện là Thiện pháp thế gian; Tam học, Lục độ là Thiện pháp xuất thế gian. Tuy có khác nhau ở chỗ cạn sâu nhưng đều là Pháp đúng theo chân lý có ích cho đời, cho nên gọi là thiện pháp.
- Tứ phần luật: là tên của một bộ luật Phật giáo do hai Ngài Phật Đà Da Xá và Trúc Phật Niệm dịch vào đời Hậu Tần, 60 quyển. Đây là một bộ luật thuộc hệ thống Thượng tọa bộ truyền thọ, do toàn bộ luật chia làm 4 phần, cho nên có tên là Tứ phần.

- Minh Liễu Luận: 1 quyển, do Ngài Chơn Đế đời nhà Trần dịch, vốn có tên là “Luật Nhị Thập Nhị Minh Liễu Luận” là 1 trong 5 bộ luận quan trọng. Căn cứ vào hệ thống giới luật Chánh Lượng Bộ, trong 18 bộ mà trước tác thành.

- Giới Định Huệ: là chỉ cho giới luật, Thiền định, Trí huệ, còn gọi là 3 học, học 3 pháp này có thể đạt đến vô thượng Niết Bàn.

1. Giới học: tức là giới luật có công năng ngăn ngừa những điều xấu ác của thân miệng.
2. Định học: là chỉ phòng ngừa sự tán loạn của tâm ý, để tìm cầu phương pháp tu hành thiền định đạt đến sự an tĩnh.
3. Huệ học: là chỉ cho sự phá trừ mê lầm để chứng đắc chơn lý.

- Xá lợi Phật vấn kinh: Có 1 quyển, được dịch vào thời Đông Tấn, mất tên người dịch, còn gọi là “Bồ Tát Vấn Dụ” thuộc tiểu thừa luật bộ. Nội dung đề cập đến việc Phật ở thành Vương Xá, dưới cội cây Âm Nhạc, trả lời những điều thắc mắc của Tôn giả Xá Lợi Phật nêu ra tường tự về sự truyền thọ giới luật. Phân chia bộ phái thuộc hệ thống luật tạng... Kinh này được đại chúng bộ lưu truyền. Có căn cứ vào các bộ kinh luận tiểu thừa mà lập luận như: “Văn Thù Vấn Kinh”, “Dị Bộ Tông Luân Luận”.

- Vi diệu pháp: Pháp sâu xa mẫu nhiệm cũng chính là Phật pháp.

- Pháp thân: còn gọi là Phật thân, lấy Phật Pháp để thành thân, hoặc thân vốn đầy đủ Phật Pháp.

- Trí huệ: Phật giáo chỉ dạy phá trừ mê lầm, chứng được lý chơn thật, dịch ý từ tiếng Phạn là Bát nhã, bao hàm cả ý triết ngộ.

- Nghĩa Tịnh: là một cao Tăng đời Đường, là một nhà lữ hành, 1 trong 4 nhà dịch kinh lớn của Trung Quốc. Sư họ Trương, quê ở Tế Châu (nay là Sơn Đông Lịch Thành) có thuyết thì nói ở Phạm Dương (nay là phía Tây Nam thành Bắc Kinh). Trước sau Sư dịch ra kinh, Luật, Luận, có đến 61 bộ, 239 quyển.

- Thân giáo: Đây tức là Thân Giáo Sư, thường chỉ cho vị Thầy mà mình thọ giới, còn gọi là giới Hòa thượng.

- Y chỉ: Tức nương theo mà ở, vị Tỳ kheo khi mới thọ giới phải nương theo vị này mà thọ học, vị Thầy này gọi là Y Chỉ Sư.

Tác giả: **Thích Thiện Phước**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học số tháng 11/2016